

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XNK TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Số: 98 /2021 -TH1-VP

V/v: Công bố thông tin
Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: 024.38264009 Email: gexim@gel.com.vn
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Thị Phương**
Địa chỉ: 75C Tô 15 Làng Thủ Lệ, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.
6. Nội dung thông tin công bố:
 - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2021: (11.463.964.509) VNĐ
 - Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2020: (19.952.035.825) VNĐ

Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2021 toàn công ty giảm lỗ so với cùng kỳ năm 2020 số tiền 8.488.071.316 đồng là do: Doanh thu tài chính tăng: 1.443.735.146đ, chi phí tài chính giảm: 1.560.208.185đ, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm: 5.314.702.246đ do được hoàn nhập dự phòng công nợ phải thu 6.206.480.305đ
Lợi nhuận các hoạt động khác tăng: 169.425.739đ

Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: www.generalexim.com.vn vào ngày 13/08/2021

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



CHÁNH VĂN PHÒNG
Vũ Thị Phương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-39
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12-39

3100
TRAC
HÀM
04

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Ủy viên	Miễn nhiệm Chủ tịch và bổ nhiệm Ủy viên ngày 28/04/2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
Ông Nhâm Việt Bắc	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2021
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên	

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban	
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên	
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/04/2021
Ông Nguyễn Xuân Anh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/04/2021

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Tổng Giám đốc 


Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

Số: 130821.013/BCTC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc
Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Văn phòng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 20 tháng 07 năm 2021, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

1. Tại ngày 30/06/2021, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán với số tiền là âm 393,07 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 209,32 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 348,79 tỷ đồng và các khoản vay Ngân hàng thương mại đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 568,43 tỷ đồng và lãi vay phải trả tương ứng 311,94 tỷ đồng. Đồng thời, trong 6 tháng đầu năm 2021, Văn phòng Công ty lỗ 10,10 tỷ đồng. Những vấn đề này cho thấy có các yếu tố trọng yếu dẫn đến nghi ngờ về khả năng hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Văn phòng Công ty vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

2. Như đã trình bày chi tiết tại thuyết minh số 18 về "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" ngày 23/08/2018, đối với khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - chi nhánh Hà Nội. Chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của thỏa thuận tài sản bảo đảm nêu trên đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2021 cũng như các điều chỉnh cần thiết liên quan đến thỏa thuận này.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính cho kế toán từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp 1 Việt Nam.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biễn ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		631.949.953.900	596.975.211.797
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.464.569.801	387.027.728
111	1. Tiền		23.464.569.801	387.027.728
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	163.655.649.141	173.197.687.967
121	1. Chứng khoán kinh doanh		163.657.336.145	162.981.197.741
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(1.687.004)	(240.500)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	10.216.730.726
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		421.934.343.773	414.605.244.860
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	107.541.542.051	102.966.857.554
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	240.478.093.347	246.195.293.858
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		27.691.796.194	24.371.842.124
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		527.760.000	450.000.000
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	7	376.761.795.249	377.894.374.697
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(331.066.643.068)	(337.273.123.373)
140	IV. Hàng tồn kho	9	11.413.876.887	248.187.170
141	1. Hàng tồn kho		11.413.876.887	248.187.170
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.481.514.298	8.537.064.072
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	44.605.253	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.296.779.045	8.396.934.072
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	140.130.000	140.130.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		159.850.740.651	161.430.594.971
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		100.000.000	100.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		1.507.208.500	1.657.069.708
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.507.208.500	1.657.069.708
222	- Nguyên giá		11.055.574.515	11.163.091.002
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.548.366.015)	(9.506.021.294)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
230	III. Bất động sản đầu tư	11	117.317.592.479	119.023.043.789
231	- Nguyên giá		148.319.406.782	148.319.406.782
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.001.814.303)	(29.296.362.993)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	36.337.904.793	36.351.669.217
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		41.368.895.429	41.368.895.429
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(6.230.990.636)	(6.217.226.212)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.588.034.879	4.298.812.257
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.588.034.879	4.298.812.257
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>791.800.694.551</u>	<u>758.405.806.768</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.001.124.168.816	958.533.605.227
310	I. Nợ ngắn hạn		980.741.839.780	938.134.392.417
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	37.854.669.941	34.100.765.089
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	346.023.807	155.342.145
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	718.364.204	-
314	4. Phải trả người lao động		394.016.582	481.050.533
316	5. Phải trả nội bộ ngắn hạn		22.792.091.674	23.878.220.969
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	846.426.154	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	323.053.911.753	311.321.948.369
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	594.392.378.937	567.853.108.584
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	II. Nợ dài hạn		20.382.329.036	20.399.212.810
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	9.460.027.188	9.586.572.804
337	2. Phải trả dài hạn khác	17	10.922.301.848	10.812.640.006
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(209.323.474.265)	(200.127.798.459)
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	(209.323.474.265)	(200.127.798.459)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		135.392.670.000	135.392.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(393.065.591.828)	(383.869.916.022)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(382.964.770.380)	(336.878.738.246)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(10.100.821.448)	(46.991.177.776)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		791.800.694.551	758.405.806.768

Mai Thu Hà

Mai Thu Hà
Người lập

Mai Thu Hà

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tông Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	66.784.851.703	46.677.038.589
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		66.784.851.703	46.677.038.589
11	4. Giá vốn hàng bán	22	58.726.542.270	39.663.915.874
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.058.309.433	7.013.122.715
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.573.732.874	128.235.779
22	7. Chi phí tài chính	24	16.591.705.344	18.151.913.529
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		16.518.168.490	17.465.421.384
25	8. Chi phí bán hàng	25	5.698.178.910	5.417.153.621
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(2.532.880.261)	3.915.247.102
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(10.124.961.686)	(20.342.955.758)
31	11. Thu nhập khác	27	261.440.372	3.578.473
32	12. Chi phí khác	28	237.300.134	588.472.293
40	13. Lợi nhuận khác		24.140.238	(584.893.820)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(10.100.821.448)	(20.927.849.578)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.100.821.448)	(20.927.849.578)



Mai Thu Hà
Người lập



Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(10.100.821.448)	(20.927.849.578)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.855.312.518	1.851.676.133
03	- Các khoản dự phòng		(6.191.269.377)	(279.113.689)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.528.761.122)	910.410.028
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(157.672.958)	(74.156.513)
06	- Chi phí lãi vay		16.518.168.490	17.465.421.384
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		394.956.103	(1.053.612.235)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.043.582.619)	3.091.408.815
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(11.165.689.717)	(981.789.540)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(64.300.044)	(985.193.284)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(333.827.875)	510.172.615
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(676.138.404)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(295.650.813)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(13.184.233.369)	580.986.371
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(583.470.386)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		120.181.818	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(10.127.623.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		20.266.593.726	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37.491.140	74.156.513
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		10.296.643.684	(509.313.873)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		27.203.827.844	-
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.254.672.444)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		25.949.155.400	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		23.061.565.715	71.672.498

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2021	2020
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		387.027.728	241.543.181
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		15.976.358	(20.666.968)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>23.464.569.801</u>	<u>292.548.711</u>

Mai Thu Hà
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/02/2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là: 151 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2021 là: 161 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong 6 tháng năm 2021, Công ty có đẩy mạnh được hoạt động bán hàng hóa nên doanh thu của Công ty có sự gia tăng so với cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 30/06/2021, Văn phòng Công ty có khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán với số tiền là âm 393,07 tỷ đồng, vốn chủ sở hữu âm 209,32 tỷ đồng, nợ ngắn hạn vượt tài sản ngắn hạn 348,79 tỷ đồng và các khoản vay Ngân hàng thương mại đã quá hạn thanh toán với tổng số tiền gốc 568,43 tỷ đồng và lãi vay phải trả tương ứng 311,94 tỷ đồng. Đồng thời, trong 6 tháng đầu năm 2021, Văn phòng Công ty lỗ 10,10 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc Công ty đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn thông qua việc tái cơ cấu nợ với ngân hàng, đẩy mạnh công tác thu hồi nợ và thanh lý một số khoản đầu tư, tài sản của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2021 của Văn phòng Công ty vẫn được lập trên cơ sở giá định hoạt động liên tục.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc

Thông tin về các Công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

. Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính cuối năm trước của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Không trích khấu hao

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	45 năm
--------------------------	--------

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC theo thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC ngày 15/09/2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐHT/TH1-HFC ngày 31/03/2021, gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (HFC) và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - Việt Nam (TH1), TH1 và HFC hợp tác đầu tư ngắn hạn, đảm bảo nguyên tắc lãi suất không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên TH1 góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng. Bên thực hiện kế toán là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.21 .. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

2.24 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
Tiền mặt	42.414.366	18.042.915
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.422.155.435	368.984.813
	<u><u>23.464.569.801</u></u>	<u><u>387.027.728</u></u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.216.730.726	-
	-	-	10.216.730.726	-

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	163.657.336.145	390.635.800.000	(1.687.004)	162.981.197.741
<i>Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn</i>	-	-	-	348.600
<i>Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (*)</i>	162.980.849.141	389.961.000.000	-	162.980.849.141
<i>Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam</i>	676.487.004	674.800.000	(1.687.004)	-
	163.657.336.145	390.635.800.000	(1.687.004)	162.981.197.741
				Giá trị hợp lý VND
				247.747.608.100
				108.100
				247.747.500.000
				-
				-
				(240.500)
				(240.500)

(*) Cổ phiếu Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam của Công ty đang được phong tỏa để thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng (chi tiết xem tại thuyết minh số 18).

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2020 và 30/06/2021.

Trong kỳ Công ty đầu tư cổ phiếu của Công ty Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam như sau

- Về số lượng: 56.000 cổ phiếu

- Về giá trị: 676.487.004 đồng

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	41.368.895.429	(5.030.990.636)	41.368.895.429	(5.017.226.212)
- Công ty TNHH Phát triển Độ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1	20.400.000.000	(5.030.990.636)	20.400.000.000	(5.017.226.212)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	42.568.895.429	(6.230.990.636)	42.568.895.429	(6.217.226.212)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2021 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Phát triển Độ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp 1	Hà Nội	49,60%	49,60%	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư vào đơn vị khác				
Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	5,42%	5,42%	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Phải thu khách hàng khác	31.225.124.667	(15.359.645.271)	26.650.440.170	(15.359.645.271)
	107.541.542.051	(91.676.062.655)	102.966.857.554	(91.676.062.655)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	(48.379.179.373)	54.585.659.678	(54.585.659.678)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Công ty CP SAM nông nghiệp công nghệ cao	2.006.937.385	-	1.762.568.810	-
- Trả trước cho người bán khác	27.228.414.268	(20.260.577.997)	26.983.503.049	(20.260.577.997)
	240.478.093.347	(231.503.319.691)	246.195.293.858	(237.709.799.996)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46-Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

7 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay (1)	151.623.509.432	-	151.623.509.432	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	15.250.364	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	2.859.435	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	1.906.284	-
- Tạm ứng	1.805.798.982	-	2.822.152.830	-
- Ký cược, ký quỹ	279.682.400	-	279.977.520	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư (2)	187.500.000.000	-	187.500.000.000	-
- Phải thu Ông Nguyễn Xuân Nam	2.950.000.000	(2.650.000.000)	2.950.000.000	(2.650.000.000)
- Phải thu Bà Phạm Thị Thảo	27.000.000.000	-	27.000.000.000	-
- Phải thu khác	1.208.142.567	(842.598.854)	1.304.056.964	(842.598.854)
	376.761.795.249	(7.887.260.722)	377.894.374.697	(7.887.260.722)
b) Dài hạn				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thủy	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-

(1) Khoản phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay là khoản phải thu tương ứng với hợp đồng hợp tác với HFC với điều kiện đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho THI vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể.

(2) Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 82/2014/HĐHT/TH1 - HFC giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là THI) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam (gọi tắt là HFC) về việc hợp tác đầu tư ngân hạn "cổ phiếu thuộc danh mục thoái vốn của Công ty SCIC" và Phụ lục hợp đồng số 01/2021/HĐHT/TH1-HFC ngày 31/03/2021, gia hạn hợp đồng đến 31/12/2021, đảm bảo nguyên tắc không thấp hơn lãi suất thực thu của ngân hàng cho vay vốn qua các thời kỳ và được tính theo thời gian sử dụng vốn cụ thể, áp dụng kể từ ngày bên THI góp vốn sang HFC, nếu lợi nhuận đầu tư thực tế cao hơn, hai bên sẽ thỏa thuận sau khi kết thúc hợp đồng.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

8 . NỢ XẤU

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	-	54.585.659.678	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.635.700.361	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Nợ xấu các khoản khác	59.729.668.666	300.000.000	59.415.647.797	300.000.000
	331.366.643.068	300.000.000	337.573.123.373	300.000.000

9 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.643.618.669	-	-	-
Công cụ, dụng cụ	19.192.797	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	472.272	-	-	-
Hàng hoá	9.750.593.149	-	248.187.170	-
	11.413.876.887	-	248.187.170	-

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	4.426.795.251	5.870.681.692	650.245.455	215.368.604	11.163.091.002				
- Điều chuyển nội bộ	-	-	785.000.000	-	785.000.000				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(107.516.487)	(785.000.000)	-	(892.516.487)				
Số dư cuối kỳ	4.426.795.251	5.763.165.205	650.245.455	215.368.604	11.055.574.515				
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	4.417.486.646	4.486.115.187	387.050.857	215.368.604	9.506.021.294				
- Khấu hao trong kỳ	1.186.110	102.228.996	46.446.102	-	149.861.208				
- Điều chuyển nội bộ	-	-	785.000.000	-	785.000.000				
- Thanh lý, nhượng bán	-	(107.516.487)	(785.000.000)	-	(892.516.487)				
Số dư cuối kỳ	4.418.672.756	4.480.827.696	433.496.959	215.368.604	9.548.366.015				
Giá trị còn lại									
Tại ngày đầu năm	9.308.605	1.384.566.505	263.194.598	-	1.657.069.708				
Tại ngày cuối kỳ	8.122.495	1.282.337.509	216.748.496	-	1.507.208.500				

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 8.122.495 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.573.338.905 đồng.

11 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là Nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá 148.319.406.782 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2021 là 31.001.814.303 đồng, khấu hao trong kỳ là 1.705.451.310 đồng. Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 117.317.592.479 đồng.

Công ty đang sử dụng bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội làm tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ với Ngân hàng (xem chi tiết tại thuyết minh số 18)

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	44.605.253	-
	<u>44.605.253</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.878.390.268	3.954.437.136
Công cụ dụng cụ xuất dùng	29.545.455	72.888.224
Chi phí trả trước dài hạn khác	680.099.156	271.486.897
	<u>4.588.034.879</u>	<u>4.298.812.257</u>

(*) Đất thuê có thời hạn 32 năm, Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất, diện tích 9.060 m² tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bảo, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>		<u>01/01/2021</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
- Ông Trần Văn Hải	33.936.741.144	33.936.741.144	33.936.741.144	33.936.741.144
- Công ty CP Vật liệu Xây dựng Thái Hà	1.543.500.000	1.543.500.000	-	-
- Công ty Cổ phần nông lâm nghiệp Trường Thành	1.014.400.000	1.014.400.000	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	1.360.028.797	1.360.028.797	164.023.945	164.023.945
	<u>37.854.669.941</u>	<u>37.854.669.941</u>	<u>34.100.765.089</u>	<u>34.100.765.089</u>

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
- Công ty TNHH Gason Việt Nam	-	92.400.000
- Văn phòng công nhận năng lực đánh giá sự phù hợp về tiêu chuẩn chất lượng	-	62.942.145
- Công ty Cổ phần tư vấn giám sát xây dựng Đức Quang	179.804.310	-
- Người mua trả tiền trước khác	166.219.497	-
	<u>346.023.807</u>	<u>155.342.145</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô-Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	206.934.315	206.934.315	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	184.687.031	184.687.031	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-	744.709.616	26.345.412	140.130.000	718.364.204
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	140.130.000	-	1.141.330.962	422.966.758	140.130.000	718.364.204

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê kho	846.426.154	-
	<u>846.426.154</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.460.027.188	9.586.572.804
	<u>9.460.027.188</u>	<u>9.586.572.804</u>

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	458.723.825	426.317.939
- Bảo hiểm xã hội	31.323.618	-
- Bảo hiểm y tế	5.369.764	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.789.921	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	245.987.311	183.154.311
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay (*)	312.124.291.885	297.974.630.921
- Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	291.167.687	198.523.635
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.313.407.387	10.957.471.208
	<u>323.053.911.753</u>	<u>311.321.948.369</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	922.301.848	812.640.006
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (**)	10.000.000.000	10.000.000.000
	<u>10.922.301.848</u>	<u>10.812.640.006</u>

(*) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Ngân hàng được chi tiết tại thuyết minh số 18.

(**) Khoản phải trả ứng trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/GENERALEXIM-SACOMREAL ngày 26/04/2016 giữa Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín về việc hợp tác đầu tư dự án khu căn hộ ở và kết hợp thương mại tại 251/44 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

18 . VAY

	01/01/2021		Trong kỳ		30/06/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn bằng VND	184.500.000.000	184.500.000.000	25.401.520.297	1.944	209.901.518.353	209.901.518.353
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (1)	184.500.000.000	184.500.000.000	2.072.856.713	-	186.572.856.713	186.572.856.713
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (2)	-	-	328.663.584	1.944	328.661.640	328.661.640
- Nguyễn Anh Quân (3)	-	-	23.000.000.000	-	23.000.000.000	23.000.000.000
Vay ngắn hạn bằng USD	331.607.916.344	331.607.916.344	3.875.164.260	2.737.412.260	332.745.668.344	332.745.668.344
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (1)	20.317.696.526	20.317.696.526	-	91.935.279	20.225.761.247	20.225.761.247
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (4)	-	-	3.875.164.260	1.236.923.950	2.638.240.310	2.638.240.310
- Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An (5)	227.626.727.874	227.626.727.874	-	1.029.985.194	226.596.742.680	226.596.742.680
- Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC (6)	83.663.491.944	83.663.491.944	-	378.567.837	83.284.924.107	83.284.924.107
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (7)	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
	567.853.108.584	567.853.108.584	29.276.684.557	2.737.414.204	594.392.378.937	594.392.378.937
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (7)	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
	51.745.192.240	51.745.192.240	-	-	51.745.192.240	51.745.192.240
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(51.745.192.240)	(51.745.192.240)	-	-	(51.745.192.240)	(51.745.192.240)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	-	-	-	-	-	-



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng là 350.000.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi tỷ đồng chẵn);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, cho vay chứng minh năng lực tài chính, mở L/C, bảo lãnh các loại, mục đích sử dụng tiền vay cụ thể được quy định rõ trong từng giấy nợ;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 19/09/2014 đến ngày 19/09/2015;
 - + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo lãi suất thông báo của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân và được ghi trên từng giấy nợ cụ thể;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m² đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m² đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội;
 - + Số dư nợ vay tại thời điểm cuối kỳ là: 186.572.856.713 đồng và 875.574,08 USD (tương đương 20.225.761.247 đồng).

Thông tin chi tiết "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" cho khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội.

Ngày 23/08/2018, Công ty và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Á - chi nhánh Hà Nội ký hai (02) thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014 nêu trên.

Các tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty với Ngân hàng như sau:

- + Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m² đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m² đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.
- + Tiền lãi/lợi tức và các lợi ích vật chất khác của 6.000.000 cổ phần của Công ty tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (EXIMBANK).

Theo xác nhận số dư công nợ ngày 15/07/2021 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội thì số dư nợ gốc của Công ty với Ngân Hàng tại ngày 30/06/2021 là 0 đồng. Tuy nhiên, theo quy định trong thỏa thuận thì Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội được quyền đơn phương chấm dứt thỏa thuận này và yêu cầu Công ty thanh toán đầy đủ các nghĩa vụ tài chính có liên quan nếu Công ty vi phạm các nghĩa vụ quy định tại thỏa thuận này.

Do vậy, sau thời điểm Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội ký "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" thì Công ty vẫn tiếp tục theo dõi số dư nợ vay phải trả Ngân hàng Việt Á số tiền 186.572.856.713 VND và 875.574,08 USD (tương đương 20.225.761.247 VND). Công ty không ghi nhận chi phí lãi đối với hợp đồng vay số (1) trên kể từ ngày 01/01/2019. Công ty tiếp tục ghi nhận chi phí khấu hao vào chi phí trong năm của bất động sản đầu tư tại số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội. Đồng thời, Công ty đang ghi nhận chi phí thuê lại tòa nhà tại Số 7, Triệu Việt Vương, Hà Nội từ ngân hàng vào chi phí trong năm.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

- (2) Vay ngắn hạn từ Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI theo Hợp đồng số 1332886 ngày 28/05/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Mục đích vay: giao dịch ký quỹ chứng khoán;
 - + Thời hạn thanh toán khoản vay: tương ứng với từng Giao dịch ký quỹ của khách hàng không quá 90 ngày kể từ ngày SSI giải ngân tiền vào TKGDKQ và/hoặc thời hạn được gia hạn;
 - + Lãi suất cho vay: được SSI quy định tùy từng thời điểm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 328.661.640 đồng;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: tiền, tiền bán chứng khoán chờ về, tiền cổ tức chờ về; chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ; chứng khoán khác do UBCKNN công bố tùy từng thời điểm.
- (3) Khoản tiền vay của cá nhân số 001/TH1/HĐ ngày 29/05/2021 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền vay: 23.000.000.000 đồng;
 - + Thời hạn cho vay: 12 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 9%/năm;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 23.000.000.000 đồng.
- (4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 1011-LAV-210047095 ngày 07/06/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 5.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cho vay: từ ngày hợp đồng này đến hết ngày 06/06/2022;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 114.259,00 USD (tương đương 2.638.240.310 đồng);
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: số tiền ký quỹ và các tài sản khác là nguồn thu từ các bộ chứng từ hàng xuất; các nguồn thu hợp pháp khác của khách hàng.
- (5) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2021 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, bao gồm:
- + Số tiền nợ gốc 4.903.625,72 USD (tương đương 113.273.754.132 VND), nợ lãi 3.253.667,10 USD, là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Chi nhánh Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.068.157,58 USD (tương đương 47.774.440.098 VND), nợ lãi 348.127,13 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.837.599,50 USD (tương đương 65.548.548.450 VND), nợ lãi 1.234.415,27 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hà Nội đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.
- (6) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2021 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, bao gồm:
- + Số tiền nợ gốc 1.599.463,89 USD (tương đương 36.947.618.400 VND), nợ lãi 636.392,54 USD, là khoản nợ vay với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch đã được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ;
 - + Số tiền nợ gốc 2.005.943,97 USD (tương đương 46.337.305.707 VND), nợ lãi 350.018,18 USD là khoản nợ vay với Ngân hàng NN&PT Nông Thôn - Chi nhánh Hoàng Mai đã được Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

(7) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2021 số tiền 51.745.192.240 đồng và lãi 29.980.869.525 đồng là khoản nợ vay với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - SGD đã được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo hợp đồng mua bán nợ.

c) Số vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	30/06/2021		01/01/2021	
	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
	VND	VND	VND	VND
- Vay	568.425.476.987	311.935.852.451	567.853.108.584	297.974.630.921
	568.425.476.987	311.935.852.451	567.853.108.584	297.974.630.921

Lý do chưa thanh toán: Tình hình hoạt động kinh doanh trong kỳ có những khó khăn nhất định, mặt khác việc thu hồi nợ của Công ty cũng gặp khó khăn nên tạm thời Công ty chưa có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn đến hạn trả. Hiện tại, Công ty đang xây dựng kế hoạch về nguồn tài chính để đảm bảo thanh toán các khoản nợ vay theo đúng hợp đồng đã được ký kết.

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000		17.147.588.054		7.262.420.104		(981.900)		23.940.421.305		(337.661.707.038)		(153.919.589.475)	
Lỗ trong kỳ trước	-		-		-		-		-		(20.927.849.578)		(20.927.849.578)	
Phân phối cho Kowa từ lợi nhuận 2019 (*)	-		-		-		-		-		(448.196.337)		(448.196.337)	
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2020 (*)	-		-		-		-		-		(96.962.935)		(96.962.935)	
Lợi nhuận từ chi nhánh	-		-		-		-		-		1.231.165.129		1.231.165.129	
Số dư cuối kỳ trước	135.392.670.000		17.147.588.054		7.262.420.104		(981.900)		23.940.421.305		(357.903.550.759)		(174.161.433.196)	
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000		17.147.588.054		7.262.420.104		(981.900)		23.940.421.305		(383.869.916.022)		(200.127.798.459)	
Lỗ trong kỳ này	-		-		-		-		-		(10.100.821.448)		(10.100.821.448)	
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận 2020 (*)	-		-		-		-		-		(1.965.932.316)		(1.965.932.316)	
Lợi nhuận từ chi nhánh	-		-		-		-		-		2.871.077.958		2.871.077.958	
Số dư cuối kỳ này	135.392.670.000		17.147.588.054		7.262.420.104		(981.900)		23.940.421.305		(393.065.591.828)		(209.323.474.265)	

(*): Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại thuyết minh số 2.13).

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Đinh Đức Tùng	20,73%	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	19,91%	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000
Các cổ đông khác	43,48%	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	410.000	0,00%	410.000
	100%	135.392.670.000	100%	135.392.670.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>1.581.850.355</i>	<i>1.581.850.355</i>

d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.267</i>	<i>13.539.267</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>13.539.226</i>	<i>13.539.226</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m²;- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m²;- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m²;- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2021</u>	<u>01/01/2021</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	10,74	20,74
- Đồng Euro (EUR)	0,99	0,99

21 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	57.914.798.360	38.320.265.896
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.870.053.343	8.356.772.693
	<u><u>66.784.851.703</u></u>	<u><u>46.677.038.589</u></u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>	<u>06 tháng đầu năm 2020</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	57.021.090.960	37.952.459.578
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.705.451.310	1.711.456.296
	<u><u>58.726.542.270</u></u>	<u><u>39.663.915.874</u></u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	37.491.140	74.156.513
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	7.480.612	54.079.266
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.528.761.122	-
	<u>1.573.732.874</u>	<u>128.235.779</u>

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	16.518.168.490	17.465.421.384
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	194.500	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	58.131.426	44.714.470
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	910.410.028
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	15.210.928	(271.113.689)
Chi phí tài chính khác	-	2.481.336
	<u>16.591.705.344</u>	<u>18.151.913.529</u>

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.350.000	-
Chi phí nhân công	1.363.933.310	1.182.910.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.068.478	128.427.107
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.159.812.710	3.822.062.413
Chi phí khác bằng tiền	33.014.412	283.753.982
	<u>5.698.178.910</u>	<u>5.417.153.621</u>

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.458.924.170	2.470.248.366
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.792.730	11.792.730
Thuế, phí, lệ phí	295.813.612	238.697.339
Chi phí dự phòng	(6.206.480.305)	(8.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	770.444.951	1.107.464.999
Chi phí khác bằng tiền	136.624.581	95.043.668
	<u>(2.532.880.261)</u>	<u>3.915.247.102</u>

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

27 . THU NHẬP KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	120.181.818	-
Thu nhập từ tiền đặt cọc khách hàng	140.498.320	-
Thu nhập khác	760.234	3.578.473
	261.440.372	3.578.473

28 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Các khoản bị phạt	420.481	25.994.542
Chi phí khác	236.879.653	562.477.751
	237.300.134	588.472.293

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.100.821.448)	(20.927.849.578)
Các khoản điều chỉnh tăng	217.390.134	247.034.700
- Chi phí không hợp lệ	217.390.134	205.208.970
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	-	41.825.730
Các khoản điều chỉnh giảm	(48.318.525)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(48.318.525)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(9.931.749.839)	(20.680.814.878)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	Chức danh	VND	VND
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch Bổ nhiệm ngày 28/04/2021	5.400.000	
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Ủy viên Miễn nhiệm Chủ tịch và bổ nhiệm Ủy viên ngày 28/04/2021	31.500.000	32.400.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên kiêm Tổng Giám đốc	440.691.250	367.164.875
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên Bổ nhiệm ngày 28/04/2021	34.231.750	-
Ông Nhâm Việt Bắc	Ủy viên Miễn nhiệm ngày 28/04/2021	22.500.000	27.000.000
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên	27.000.000	27.000.000

VĂN PHÒNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm,
thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

Mai Thu Hà
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

